

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan K, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1985 (từ ngày 31/8/2022 đổi thành Lê
Chí N, sinh ngày 19/02/1985) (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/02/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn
bà Phan K trình bày:*

Bà và ông Lê Văn N (nay đổi tên thành Lê Chí N) có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2009 tại Ủy ban nhân dân L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn, vợ chồng bà không có ly thân. Nhưng bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N (nay đổi tên thành Lê Chí N).

Về con chung: Bà và ông Lê Văn N có hai con chung tên Lê T, sinh ngày 10/11/2013 và cháu Lê A, sinh ngày 25/9/2017. Hiện nay các cháu đang sống

chung với bà, bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bà yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn ông Lê Văn N (nay đổi tên thành Lê Chí N) đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định tên cụ thể của bị đơn: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyển số 01 đăng ký ngày 08/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông Lê Văn N và bà Phan K. Theo giấy khai sinh cháu Lê A, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Lê T, sinh ngày 10/11/2013 cũng ghi họ tên mẹ là Phan K và họ tên cha là Lê Văn N. Tuy nhiên, nguyên đơn bà K cung cấp một giấy xác nhận ngày 29/3/2024 của Công an thị xã Ngã Năm có nội dung xác nhận ông Lê Văn N đã đổi thành tên Lê Chí N từ ngày 31/8/2022. Nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn ông Lê Văn N (từ ngày 31/8/2022 đổi thành tên Lê Chí N).

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt còn bị đơn ông Lê Chí N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn N và bà Phan K là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn N và bà Phan K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông N và bà K, theo bà Kiều cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà đã hết tình cảm với ông N, nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N (nay là Lê Chí N). Quá trình tố tụng ông Nghiệp đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng ông bà nhưng ông N vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của bà K. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông N và bà K đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông N và bà K là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K, cho bà K được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung: Ông Lê Văn N và bà Phan K có hai con chung là cháu Lê A, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Lê T, sinh ngày 10/11/2013, theo bà K trình bày thì

hiện nay hai cháu A và T đang sống chung với bà K, bà K có nguyện vọng nuôi con, ông N không có ý kiến phản đối, cháu T hơn 10 tuổi có nguyện vọng muốn sống với mẹ, cháu A hiện nay chưa đủ 07 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Giữa ông N và bà K không thỏa thuận được với nhau về việc giao con cho một bên cha hoặc mẹ nuôi các cháu. Hiện nay cháu T và cháu A được mẹ ruột là bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu A và cháu T cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Phan K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002546 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, như vậy bà K đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí. Ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan K được ly hôn với ông Lê Văn N (Lê Chí N).

2/ Về con chung: Giao cháu Lê A, sinh ngày 25/9/2017 và cháu Lê T, sinh ngày 10/11/2013 cho bà Phan K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười

tám) tuổi. Ông Lê Chí N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Phan K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002546 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà Phan K đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí. Ông Lê Chí N không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng